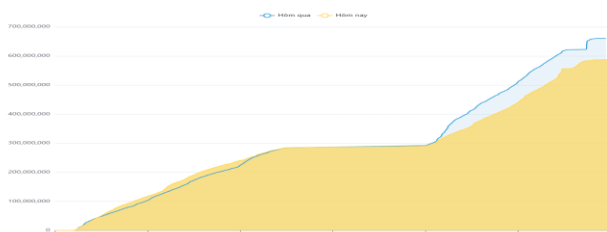


THÔNG KÊ THỊ TRƯỜNG

| | HSX | HNX |
|---------------------------|----------|--------|
| Giá đóng cửa | 1.269,61 | 227,98 |
| Thay đổi | 4,93 | 1,37 |
| Thay đổi % | 0,39% | 0,61% |
| KLGD (Triệu CP) | 543,9 | 48,7 |
| GTGD (Tỷ) | 13.310 | 822 |
| Độ rộng thị trường | | |
| CP tăng giá | 270 | 85 |
| CP giảm giá | 187 | 63 |
| CP tham chiếu | 66 | 63 |
| P/E | 29,72 | 12,52 |
| P/B | 1,51 | 1,62 |

Thanh khoản HSX



Chỉ số phái sinh

| Phái sinh | Đóng cửa | Thay đổi | Basis | OI |
|-----------|----------|----------|--------|--------|
| VN30 | 1.331,4 | 4,14 | -25,65 | |
| VN30F1M | 1.357,0 | +1,5 | | 54.573 |



Nguồn: Fireant

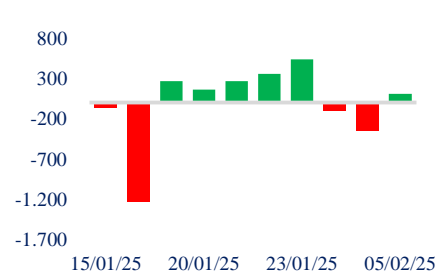
XU HƯỚNG DÒNG TIỀN

- VN-Index kết phiên tăng 4,93 điểm (+0,39%). Mặc dù đà tăng đã chững lại quanh vùng 1.270 điểm nhưng đến cuối phiên, độ rộng thị trường vẫn nghiêng về bên mua với 270 mã tăng và 187 mã giảm điểm.

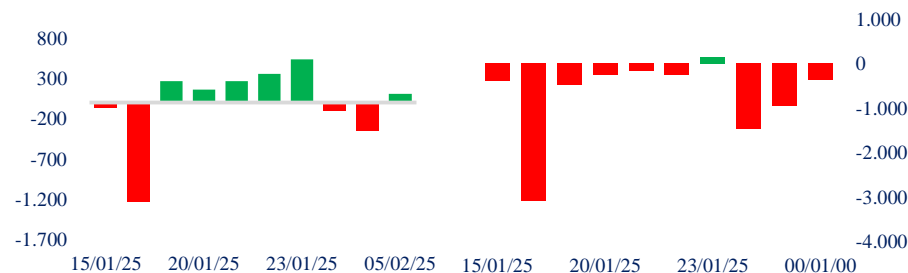
- Tâm điểm thu hút dòng tiền là nhóm bất động sản với nhiều cổ phiếu tăng trên 3% như VRE, PDR, NTL, CEO và DIG. Bên cạnh đó, một số nhóm cổ phiếu vốn hóa vừa cũng duy trì sắc xanh như hóa chất, xây dựng, vận tải... Mặt khác động lực dẫn dắt của thị trường trong phiên hôm qua là nhóm VN30 mặc dù chững lại đà tăng nhưng chỉ là điều chỉnh tích lũy, chưa có dấu hiệu suy yếu rõ rệt về xu hướng.

- Trên sàn HSX, khối ngoại thu hẹp giá trị bán ròng xuống 365 tỷ đồng. Trong đó, lực bán rải rác ở nhiều cổ phiếu, không có mã nào ghi nhận áp lực bán ròng đột biến.

Giao dịch tự doanh 10 phiên HSX



Giao dịch nước ngoài 10 phiên HSX



PHÂN TÍCH KỸ THUẬT

VN-Index mở gap tăng điểm và biến động trong biên độ hẹp quanh vùng 1.270 điểm.

Thanh khoản dù giảm nhẹ so với phiên trước nhưng vẫn duy trì trên mức trung bình 20 phiên. Điều này cho thấy lực cầu vẫn đủ mạnh để cân bằng lượng cung chốt lời ngắn

CHIẾN LƯỢC GIAO DỊCH

- Kịch bản 1 (50%): Thị trường dao động trong vùng 1.260-1.270 điểm. Nhà đầu tư có thể nâng tỷ trọng với những nhóm cổ phiếu đang thu hút dòng tiền như ngân hàng, hóa chất, xây dựng.

- Kịch bản 2 (50%): Thị trường tăng mạnh lên vùng 1.280-1.290 điểm. Nhà đầu tư tiếp tục nắm giữ cổ phiếu và hạn chế mua đuổi.

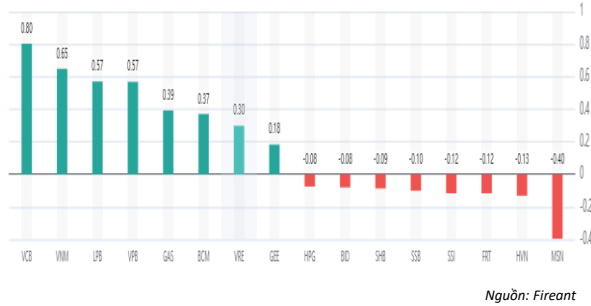
Danh mục khuyến nghị mới

| STT | Mã cổ phiếu | Giá hiện tại | Giá mua | Ngày mua | Giá mục tiêu | Giá cutloss | Loại khuyến nghị |
|-----|-------------|--------------|---------|------------|--------------|-------------|------------------|
| 1 | CTD | 79,9 | 73 | 04/02/2025 | 90 | 66 | Mua |
| 2 | HHV | 12,7 | 12,6 | 04/02/2025 | 14,5 | 11,5 | Mua |

Tăng giảm nhóm ngành

| Ngành | Ngày | Tháng |
|-----------------------------|--------|---------|
| Dầu khí | -0,32% | 1,86% |
| Hóa chất | 0,11% | -1,93% |
| Tài nguyên Cơ bản | -0,08% | 0,40% |
| Xây dựng và Vật liệu | 0,48% | 3,12% |
| Hàng & Dịch vụ Công nghiệp | 1,74% | 5,42% |
| Ô tô và phụ tùng | 0,83% | -0,83% |
| Thực phẩm và đồ uống | 0,44% | -1,94% |
| Hàng cá nhân & Gia dụng | 0,31% | -0,72% |
| Y tế | -0,35% | 0,19% |
| Bán lẻ | -0,63% | 2,39% |
| Truyền thông | 0,21% | -13,52% |
| Du lịch và Giải trí | -0,56% | -1,51% |
| Điện, nước & xăng dầu khí đ | 0,95% | -0,46% |
| Ngân hàng | 0,45% | 3,03% |
| Bảo hiểm | -0,13% | 2,54% |
| Bất động sản | 0,79% | -1,21% |
| Dịch vụ tài chính | -0,43% | 1,64% |
| Công nghệ Thông tin | 0,12% | -1,81% |

Top cổ phiếu ảnh hưởng chỉ số



Nguồn: Fireant

Top NN mua ròng HSX

| Mã | Đóng cửa | Thay đổi | KLGD |
|-----|----------|----------------|------------|
| HPG | 26,8 | -0,05 / -0,19% | 16.028.803 |
| DIG | 18,9 | 1,20 / 6,78% | 27.324.500 |
| PDR | 19,75 | 0,70 / 3,67% | 11.732.700 |
| LPB | 35,9 | 0,80 / 2,28% | 5.870.000 |
| TPB | 16,6 | 0,05 / 0,30% | 9.206.804 |

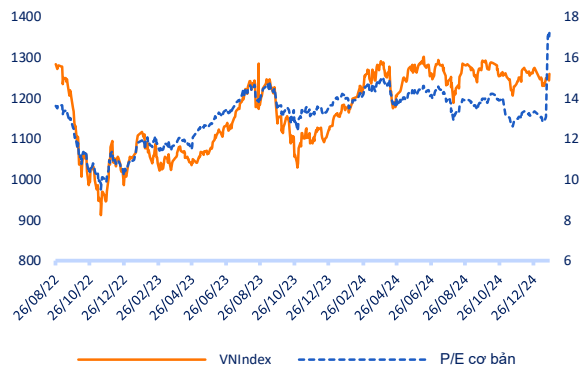
Top NN bán ròng HSX

| Mã | Đóng cửa | Thay đổi | KLGD |
|-----|----------|----------------|------------|
| SSI | 25,05 | -0,25 / -0,99% | 9.947.203 |
| CTG | 39,35 | -0,05 / -0,13% | 6.706.000 |
| FRT | 197,8 | -3,60 / -1,79% | 1.006.500 |
| VRE | 16,85 | 0,55 / 3,37% | 13.551.200 |
| MWG | 59,4 | -0,20 / -0,34% | 4.684.100 |

Giao dịch cổ đông lớn và nội bộ

| Mã | Tên | Vị trí | Ngày | Đăng ký | Khối lượng |
|-----|-----------------------------|----------------------------|------------|---------|------------|
| VSC | Trần Thị Phương Anh | --- | 05/02/2025 | Bán | 23.000 |
| BMC | Văn Phòng Tinh Ủy Bình Định | --- | 04/02/2025 | Bán | 642.312 |
| PSH | Mai Văn Huy | Chủ tịch Hội đồng Quản trị | 04/02/2025 | Bán | 800.000 |
| AGM | Dược Lâm Đồng - Ladophar | --- | 04/02/2025 | Bán | 183.200 |
| VNL | Vận tải ngoại thương | --- | 04/02/2025 | Bán | 0 |

Định giá thị trường



TIN TỨC

Trong nước

[Quốc hội sẽ họp bất thường lần 9](#)
[Kinh tế xã hội tháng 01/2025 tiếp tục phục hồi](#)

Doanh nghiệp

[MCH đặt mục tiêu tăng trưởng doanh thu 2 chữ số](#)
[Xây dựng Hòa Bình lãi gần 850 tỷ sau 2 năm lỗ](#)
[Lãi ròng 2024 đi lùi, SEA cắt giảm nợ vay 63%](#)

TIN TỨC

Thế giới

[Thuế quan mới khiến Fed khó hạ lãi suất trong năm 2025](#)
[Thương vụ sáp nhập lịch sử Honda-Nissan có nguy cơ đổ bể](#)
[Trung Quốc áp thuế 15% lên LNG Mỹ](#)

Hàng hóa

[Vàng tương lai chạm mức cao mọi thời đại](#)
[Dầu WTI xoá bớt mức giảm khi ông Trump nhắm tới Iran](#)

Top 10 khối lượng giao dịch HSX

| | Khối lượng giao dịch | Thay đổi |
|----|----------------------|---------------------|
| 1 | DIG | 27.324.500 / 6,78% |
| 2 | MBB | 26.174.506 / 0,22% |
| 3 | VIX | 18.885.900 / -1,58% |
| 4 | DXG | 16.461.600 / 1,31% |
| 5 | HPG | 16.028.803 / -0,19% |
| 6 | VND | 15.791.500 / 0,40% |
| 7 | MSB | 14.106.900 / 0,89% |
| 8 | VRE | 13.551.200 / 3,37% |
| 9 | VPB | 13.416.500 / 1,60% |
| 10 | PDR | 11.732.700 / 3,67% |

Giá hàng hóa

| | Đóng cửa | Thay đổi | % |
|--------------|----------|----------|--------|
| Vàng | 2462,8 | -0,50 | -0,02% |
| Bạc | 27,52 | -0,08 | -0,29% |
| Đồng | 4,0395 | 0,08 | 2,03% |
| Dầu thô | 0,14 | 0,00 | -0,68% |
| Dầu Brent | 79,25 | 0,09 | 0,11% |
| Khí Tự nhiên | 2,172 | 0,05 | 2,12% |
| Khí đốt | 2,3624 | 0,00 | 0,20% |
| Đường | 18,61 | 0,04 | 0,22% |
| Heo nạc | 73,55 | -1,02 | -1,37% |
| Cà phê | 237,5 | -1,85 | -0,77% |

Tỷ giá hối đoái

| | Thay đổi | Tỷ giá NHNN | |
|---------|----------------|-------------|-----------------|
| | | Mua | Bán |
| USD/VND | 24980 / 0,04% | USD | 23.400 / 25.450 |
| EUR/VND | 25477 / 0,42% | EUR | 24.063 / 26.596 |
| GBP/VND | 30621 / 0,39% | GBP | 28.935 / 31.981 |
| USD/VND | 158,00 / 1,28% | JPY | 151 / 167 |
| AUD/VND | 27142 / 0,53% | CHF | 25.615 / 28.311 |

Danh mục khuyến nghị theo Phân tích kỹ thuật

| STT | Mã cổ phiếu | Giá hiện tại | Giá mua | Ngày mua | Giá mục tiêu | Giá cutloss | % Lãi/Lỗ | Trạng thái khuyến nghị |
|-----|-------------|--------------|---------|------------|--------------|-------------|----------|------------------------|
| 1 | MWG | 59,4 | 60,3 | 05/12/2024 | 70 | 56 | -1,5% | Nắm giữ |
| 2 | ACV | 123,2 | 124,3 | 23/12/2024 | 135 | 118 | -0,9% | Nắm giữ |
| 3 | CTD | 79,9 | 73 | 04/02/2025 | 90 | 66 | 9,5% | Nắm giữ |
| 4 | HHV | 12,7 | 12,6 | 04/02/2025 | 14,5 | 11,5 | 0,8% | Nắm giữ |

Danh mục khuyến nghị theo Phân tích cơ bản

| STT | Mã cổ phiếu | Giá hiện tại | Giá mua | Ngày mua | Giá mục tiêu | Giá cutloss | % Lãi/Lỗ | Trạng thái khuyến nghị |
|-----|-------------|--------------|---------|------------|--------------|-------------|----------|------------------------|
| 1 | VHC | 70,8 | 70 | 27/02/2024 | 83,8 | 69 | 1,1% | Nắm giữ |
| 2 | FMC | 46,6 | 48,3 | 27/02/2024 | 53,7 | 45 | -3,5% | Nắm giữ |
| 3 | HPG | 26,8 | 26,5 | 08/10/2024 | 34 | 25 | 1,1% | Mua mới |
| 4 | TCB | 24,7 | 21,85 | 20/08/2024 | 26,2 | 20,8 | 13,0% | Nắm giữ |
| 5 | TCM | 43 | 45 | 12/09/2024 | 55 | 42 | -4,4% | Nắm giữ |
| 6 | PNJ | 98,2 | 98,6 | 17/09/2024 | 117,6 | 90 | -0,4% | Nắm giữ |
| 7 | CTG | 39,3 | 35 | 19/09/2024 | 40 | 33 | 12,3% | Nắm giữ |
| 8 | KDH | 34,8 | 33 | 18/10/2024 | 38,5 | 31 | 5,5% | Nắm giữ |

Danh mục đã khuyến nghị theo Phân tích kỹ thuật

| STT | Mã cổ phiếu | Giá bán | Giá mua | Ngày bán | Giá mục tiêu | Giá cutloss | % Lãi/Lỗ | Trạng thái khuyến nghị |
|-----|-------------|---------|---------|------------|--------------|-------------|----------|------------------------|
| 1 | DXG | 16,2 | 16,7 | 02/10/2024 | 19,5 | 15,9 | -3,0% | Bán |
| 2 | MWG | 65,2 | 68,5 | 25/09/2024 | 80 | 65,0 | -4,8% | Cắt lỗ |
| 3 | MBS | 28,8 | 31,3 | 22/10/2024 | 35 | 27,0 | -8,0% | Cắt lỗ |
| 4 | VPB | 19,7 | 18,5 | 08/11/2024 | 20 | 17 | 6,5% | Chốt lời |
| 5 | VTP | 119 | 81,8 | 20/11/2024 | 93 | 73,0 | 45,5% | Chốt lời |
| 2 | HSG | 17,4 | 18,5 | 18/12/2024 | 21 | 17,7 | -5,9% | Cắt lỗ |

Danh mục đã khuyến nghị theo Phân tích cơ bản

| STT | Mã cổ phiếu | Giá bán | Giá mua | Ngày bán | Giá mục tiêu | Giá cutloss | % Lãi/Lỗ | Trạng thái khuyến nghị |
|-----|-------------|---------|---------|------------|--------------|-------------|----------|------------------------|
| 1 | MBB | 22,6 | 18 | 22/04/2024 | 27 | 16 | 25,6% | Chốt lời |
| 2 | KBC | 28 | 31,1 | 19/04/2024 | 41 | 28 | -10% | Cắt lỗ |
| 3 | GMD | 82 | 69 | 24/06/2024 | 84 | 67 | 18,8% | Chốt lời |
| 4 | PVS | 40,6 | 37 | 19/04/2024 | 41 | 28 | 10% | Chốt lời |
| 5 | FRT | 181,9 | 100 | 10/07/2024 | 177 | 95 | 81,9% | Chốt lời |
| 6 | HPG | 25,45 | 25,3 | 06/02/2024 | 32 | 26,5 | 0,6% | Bán |
| 7 | PVD | 26,7 | 29,75 | 26/04/2024 | 38 | 26,5 | -10,3% | Cắt lỗ |
| 8 | REE | 65 | 69,9 | 10/09/2024 | 79 | 65,5 | -7,0% | Cắt lỗ |
| 9 | HAH | 39,6 | 42 | 10/09/2024 | 48 | 40 | -5,7% | Cắt lỗ |
| 10 | PNJ | 99 | 108 | 10/09/2024 | 127 | 101 | -8,3% | Cắt lỗ |
| 11 | VGT | 14 | 15,3 | 10/09/2024 | 17,5 | 14,4 | -8,5% | Cắt lỗ |
| 12 | IDC | 58,5 | 61,8 | 27/09/2024 | 66 | 58,5 | -5,3% | Cắt lỗ |
| 13 | DPR | 37,3 | 40 | 18/11/2024 | 48 | 38 | -6,8% | Cắt lỗ |
| 14 | NLG | 37 | 41,5 | 18/11/2024 | 47,3 | 39,6 | -10,8% | Cắt lỗ |

HỆ THỐNG KHUYẾN NGHỊ CỦA VIETFIRST

Hệ thống khuyến nghị của VFS được xây dựng dựa trên sự chênh lệch giữa giá cổ phiếu thị trường tại thời điểm đánh giá và giá mục tiêu 12 tháng

| Hệ thống khuyến nghị | Diễn giải |
|----------------------|--|
| MUA | Nếu giá mục tiêu cao hơn giá thị trường từ 15% trở lên |
| THEO DÕI | Nếu giá mục tiêu cao hơn giá thị trường từ 5 – 15% |
| NẮM GIỮ | Nếu giá mục tiêu cao hơn giá thị trường không quá 5% |
| BÁN | Nếu giá mục tiêu thấp hơn giá thị trường tối thiểu 5% |

© CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NHẤT VIỆT (VFS)**Hội sở Hồ Chí Minh**

Lầu 1 117 - 119 - 121 Nguyễn Du P, Bến Thành Q, 1 Thành phố HCM

Điện thoại: (84-8) 62556586 Fax: (84-8) 62556580

Website: www.vfs.com.vn

Chi nhánh Hà Nội

Tầng 5, Số 37 Bà Triệu, Phường Hàng Bài, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội.

Điện thoại: (84-4) 39288222 Fax: (84-4) 39338222

Tuyên bố miễn trách nhiệm: Bản quyền thuộc về Công ty CP Chứng khoán Nhất Việt (VFS). Những thông tin sử dụng trong báo cáo được thu thập từ những nguồn đáng tin cậy và VFS không chịu trách nhiệm về tính chính xác của chúng. Quan điểm thể hiện trong báo cáo này là của (các) tác giả và không nhất thiết liên hệ với quan điểm chính thức của VFS. Không một thông tin cũng như ý kiến nào được viết ra nhằm mục đích quảng cáo hay khuyến nghị mua/bán bất kỳ chứng khoán nào. Báo cáo này không được phép sao chép tái bản bởi bất kỳ cá nhân hoặc tổ chức nào khi chưa được phép của VFS.

THÔNG TIN LIÊN HỆ

| | |
|-------------------|--|
| Nguyễn Minh Hoàng | Giám đốc phòng phân tích hoang.nguyenminh@vfs.com.vn |
| Nguyễn Hoàng Long | Chuyên viên phân tích long.nguyen@vfs.com.vn |
| Nguyễn Thị Mai | Chuyên viên phân tích mai.nguyen@vfs.com.vn |
| Nguyễn Thị Huyền | Chuyên viên phân tích huyen.nguyen@vfs.com.vn |
| Nguyễn Anh Quân | Chuyên viên phân tích quan.nguyen@vfs.com.vn |
| Lê Thị Ngọc | Chuyên viên phân tích ngoc.le@vfs.com.vn |